



Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài

Báo cáo tài chính cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2017



Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài
Thông tin về Công ty

Giấy chứng nhận Đầu tư Số 31321000019 ngày 1 tháng 6 năm 2009

Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp Số 3300352720 ngày 3 tháng 2 năm 2016

Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp và Giấy chứng nhận Đầu tư của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh cuối cùng là Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 3300352720 ngày 3 tháng 2 năm 2016 và Giấy chứng nhận Đầu tư số 31321000019 ngày 1 tháng 6 năm 2009. Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp do Sở Kế hoạch Đầu tư Tỉnh Thừa Thiên Huế cấp và Giấy chứng nhận Đầu tư do Ban Quản lý các Khu công nghiệp Tỉnh Thừa Thiên Huế cấp.

Hội đồng Quản trị Ông Lê Tiến Trường Chủ tịch
Ông Bùi Nguyên Tiến Thành viên
Bà Trần Thị Kim Chi Thành viên
Ông Trần Anh Hòa Thành viên (đến ngày 27/4/2017)

Ban Giám đốc Bà Trần Thị Kim Chi Tổng Giám đốc
Ông Lê Hồng Quân Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Đình Hiệp Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 1/3/2018)
Bà Lê Thị Quê Hương Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 1/3/2018)

Trụ sở đăng ký Khu Công nghiệp Phú Bài
Thị xã Hương Thủy, Tỉnh Thừa Thiên Huế
Việt Nam

Chi nhánh Chi nhánh Nhà máy Sợi Phú Xuyên
Km 35, Quốc lộ 1, Thị trấn Phú Xuyên
Huyện Phú Xuyên, Thành phố Hà Nội
Việt Nam

Công ty kiểm toán Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài **Báo cáo của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính được trình bày từ trang 5 đến trang 40 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính đính kèm.


Thay mặt Ban Giám đốc 
Trần Thị Kim Chi
Tổng Giám đốc

Thừa Thiên Huế, ngày 23 tháng 3 năm 2018



KPMG Limited
46th Floor, Keangnam Landmark 72
E6 Pham Hung Road, Me Tri Ward
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi các Cổ đông
Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài ("Công ty") bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 23 tháng 3 năm 2018, được trình bày từ trang 5 đến trang 40.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 17-02-143-g



Wang Toon Kim

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0557-2018-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 23 tháng 3 năm 2018

Đàm Xuân Lâm

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0861-2018-007-1

Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu B 01 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 130 + 140 + 150)	100		196.848.441.500	212.971.542.853
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	3.707.389.059	4.230.133.453
Tiền	111		3.707.389.059	4.230.133.453
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		64.018.957.503	92.105.985.170
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	32.100.327.063	30.352.669.113
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		1.326.893.281	546.563.187
Phải thu ngắn hạn khác	136	7	30.591.737.159	61.206.752.870
Hàng tồn kho	140	8	123.749.145.593	108.438.860.709
Hàng tồn kho	141		124.225.248.825	111.099.701.463
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(476.103.232)	(2.660.840.754)
Tài sản ngắn hạn khác	150		5.372.949.345	8.196.563.521
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.239.788.197	510.846.465
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		2.290.284.864	7.207.790.706
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	13	1.842.876.284	477.926.350
Tài sản dài hạn (200 = 220 + 250 + 260)	200		56.058.545.097	48.663.880.736
Tài sản cố định	220		27.747.665.172	19.237.377.598
Tài sản cố định hữu hình	221	9	27.747.665.172	19.224.305.136
<i>Nguyên giá</i>	222		408.011.708.035	392.437.503.940
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(380.264.042.863)	(373.213.198.804)
Tài sản cố định vô hình	227		-	13.072.462
<i>Nguyên giá</i>	228		216.000.000	216.000.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(216.000.000)	(202.927.538)
Đầu tư tài chính dài hạn	250	10	25.075.000.000	25.000.000.000
Đầu tư vào các công ty liên kết	252		24.000.000.000	24.000.000.000
Đầu tư dài hạn khác	253		1.075.000.000	1.000.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		3.235.879.925	4.426.503.138
Chi phí trả trước dài hạn	261		113.762.879	286.410.244
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	11	3.122.117.046	4.140.092.894
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		252.906.986.597	261.635.423.589

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		159.654.960.321	166.462.242.207
Nợ ngắn hạn	310		159.654.960.321	166.014.825.540
Phải trả người bán ngắn hạn	311	12	36.146.252.308	53.854.331.478
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		5.662.191.206	820.316.264
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	13	264.812.616	440.651.997
Phải trả người lao động	314		5.618.848.880	9.609.808.789
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	14	8.822.167.493	17.439.514.793
Phải trả ngắn hạn khác	319	15	13.692.087.466	16.936.525.802
Vay ngắn hạn	320	16	82.229.530.583	59.596.633.007
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	17	7.219.069.769	7.317.043.410
Nợ dài hạn	330		-	447.416.667
Vay dài hạn	338		-	447.416.667
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		93.252.026.276	95.173.181.382
Vốn chủ sở hữu	410	18	93.252.026.276	95.173.181.382
Vốn cổ phần	411	19	50.000.000.000	50.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		50.000.000.000	50.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412	18	289.000.000	289.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	418	21	17.483.989.568	12.697.696.762
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		25.479.036.708	32.186.484.620
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		-	-
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		25.479.036.708	32.186.484.620
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		252.906.986.597	261.635.423.589

Ngày 23 tháng 3 năm 2018

Người lập:



Hoàng Thái Trúc
 Trưởng phòng Kế toán

Người duyệt:



Trần Thị Kim Chi
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu B 02 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2017 VND	2016 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	4(a)	752.010.007.286	698.254.696.824
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	23	682.842.380.707	629.775.167.620
Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)	20		69.167.626.579	68.479.529.204
Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	7.668.774.316	22.466.070.726
Chi phí tài chính	22	25	2.739.991.742	3.777.502.924
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		1.721.762.532	1.898.597.650
Chi phí bán hàng	25	26	27.951.409.202	27.497.828.149
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	27	16.558.539.742	17.494.500.612
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		29.586.460.209	42.175.768.245
Thu nhập khác	31	28	1.944.966.913	4.312.102.502
Chi phí khác	32	29	1.399.364.500	3.566.954.098
Kết quả các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		545.602.413	745.148.404
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		30.132.062.622	42.920.916.649
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	31	3.635.050.066	6.674.429.967
Chi phí/(lợi ích) thuế TNDN hoãn lại	52	31	1.017.975.848	(866.441.385)
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		25.479.036.708	37.112.928.067
Lãi cơ bản trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	32	5.096	7.423

Ngày 23 tháng 3 năm 2018

Người lập:



Hoàng Thái Trúc
Trưởng phòng Kế toán

Người duyệt:



Trần Thị Kim Chi
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã Thuyết số minh	2017 VND	2016 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	30.132.062.622	42.920.916.649
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	7.141.189.248	7.973.716.304
Các khoản dự phòng	03	(2.184.737.522)	652.684.245
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	156.754.508	341.811.023
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(5.396.280.959)	(19.510.670.045)
Chi phí lãi vay	06	1.721.762.532	1.898.597.650
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	31.570.750.429	34.277.055.826
Biến động các khoản phải thu	09	31.078.499.829	35.150.318.403
Biến động hàng tồn kho	10	(13.125.547.362)	2.608.369.068
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	(26.424.055.462)	(9.826.031.113)
Biến động chi phí trả trước	12	(556.294.367)	(433.055.224)
		22.543.353.067	61.776.656.960
Tiền lãi vay đã trả	14	(1.749.251.401)	(1.844.665.335)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(5.000.000.000)	(10.419.565.717)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(1.073.165.455)	(1.564.340.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	14.720.936.211	47.948.085.908
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(15.651.476.822)	(3.963.029.892)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22	-	150.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25	(75.000.000)	-
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27	5.934.671.070	11.680.356.487
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(9.791.805.752)	7.867.326.595

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

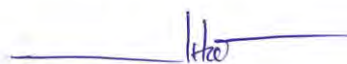
Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã Thuyết số minh	2017 VND	2016 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ đi vay	33	622.761.491.926	520.712.125.511
Tiền trả nợ gốc vay	34	(600.709.356.920)	(537.163.344.618)
Tiền trả cổ tức	36	(27.500.000.000)	(39.656.346.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(5.447.864.994)	(56.107.565.107)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	(518.734.535)	(292.152.604)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	4.230.133.453	4.530.102.986
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(4.009.859)	(7.816.929)
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70 5	3.707.389.059	4.230.133.453

Ngày 23 tháng 3 năm 2018

Người lập:



Hoàng Thái Trúc
 Trưởng phòng Kế toán

Người duyệt:



Trần Thị Kim Chi
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Báo cáo tài chính của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 bao gồm Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài và Chi nhánh Nhà máy Sợi Phú Xuyên.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty có 705 nhân viên (1/1/2017: 798 nhân viên).

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty là sản xuất, gia công và bán các sản phẩm may mặc và sản phẩm dệt.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản và bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

(c) Các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư được phản ánh theo giá gốc. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi giá thị trường của khoản đầu tư giảm xuống thấp hơn giá gốc hoặc nếu công ty nhận đầu tư bị lỗ. Dự phòng được hoàn nhập nếu việc tăng giá trị có thể thu hồi sau đó có thể liên hệ một cách khách quan tới một sự kiện phát sinh sau khi khoản dự phòng này được lập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa và vật kiến trúc	6 – 25 năm
▪ máy móc và thiết bị	5 – 10 năm
▪ phương tiện vận chuyển	3 – 6 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 5 năm

(g) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

(h) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(i) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(j) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(k) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất cố hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất cố hiệu lực hoặc cơ bản cố hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(l) Doanh thu và thu nhập khác

(i) *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá.

(ii) *Doanh thu dịch vụ gia công*

Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi hàng hoá được gia công xong và được người mua chấp nhận. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố trọng yếu không chắc chắn liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) *Thu nhập từ tiền lãi*

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(iv) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

(m) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(n) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh.

(o) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty không có cổ phiếu tiềm năng có tác động suy giảm, do vậy việc trình bày lãi trên cổ phiếu suy giảm không áp dụng.

(p) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác.

(q) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan đề cập tới Tập đoàn Dệt may Việt nam – công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết của công ty mẹ.

Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***4. Báo cáo bộ phận****(a) Bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh**

Công ty gồm các bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh chính như sau:

- Sản xuất thành phẩm
- Dịch vụ thương mại
- Dịch vụ gia công
- Các hoạt động khác

	Sản xuất thành phẩm VND	Dịch vụ thương mại VND	Dịch vụ gia công VND	Các hoạt động khác VND	Tổng cộng VND
Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017					
Tổng doanh thu của bộ phận	722.227.810.556	22.854.293.358	159.758.873	6.768.144.499	752.010.007.286
Kết quả kinh doanh của bộ phận	68.737.199.585	39.917.591	147.240.499	243.268.904	69.167.626.579
Chi phí không phân bổ					(39.581.166.370)
Kết quả từ các hoạt động kinh doanh					29.586.460.209
Thu nhập khác					1.944.966.913
Chi phí khác					(1.399.364.500)
Thuê thu nhập doanh nghiệp					(4.653.025.914)
Lợi nhuận thuần sau thuế					25.479.036.708

Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Sản xuất thành phẩm VND	Dịch vụ thương mại VND	Dịch vụ gia công VND	Các hoạt động khác VND	Tổng cộng VND
Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016					
Tổng doanh thu của bộ phận	657.975.140.751	21.964.160.313	2.232.201.450	16.083.194.310	698.254.696.824
Kết quả kinh doanh của bộ phận	63.831.605.306	2.525.379.111	2.089.270.286	33.274.501	68.479.529.204
Chi phí không phân bổ					(26.303.760.959)
Kết quả từ các hoạt động kinh doanh					42.175.768.245
Thu nhập khác					4.312.102.502
Chi phí khác					(3.566.954.098)
Thuế thu nhập doanh nghiệp					(5.807.988.582)
Lợi nhuận thuần sau thuế					37.112.928.067

Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Sản xuất thành phẩm VND	Dịch vụ thương mại VND	Dịch vụ gia công VND	Các hoạt động khác VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017					
Tài sản của bộ phận	55.655.553.544	42.500.703	-	87.548.761	55.785.603.008
Tài sản không phân bổ					197.121.383.589
Tổng tài sản					<u>252.906.986.597</u>
Tổng nợ phải trả không phân bổ					<u>159.654.960.321</u>
Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017					
Chi tiêu vốn					15.651.476.822
Khấu hao tài sản cố định hữu hình					7.128.116.786
Khấu hao tài sản cố định vô hình					13.072.462

Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Sản xuất thành phẩm VND	Dịch vụ thương mại VND	Dịch vụ gia công VND	Các hoạt động khác VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016					
Tài sản của bộ phận	54.037.957.261	80.094.300	12.953.120.111	-	67.071.171.672
Tài sản không phân bổ					194.564.251.917
Tổng tài sản					<u>261.635.423.589</u>
Tổng nợ phải trả không phân bổ					<u>166.462.242.207</u>
Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016					
Chi tiêu vốn					3.963.029.892
Khấu hao tài sản cố định hữu hình					7.959.455.434
Khấu hao tài sản cố định vô hình					14.260.870

Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***(b) Bộ phận chia theo vùng địa lý**

Công ty có các bộ phận chia theo vùng địa lý, dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

- Hàn Quốc
- Việt Nam
- Nhật Bản
- Thổ Nhĩ Kỳ
- Các vùng địa lý khác

	Hàn Quốc VND	Việt Nam VND	Nhật Bản VND	Thổ Nhĩ Kỳ VND	Các vùng địa lý khác VND	Hợp nhất VND
Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017						
Tổng doanh thu của bộ phận	166.900.627.691	154.964.241.782	126.150.015.733	73.302.174.776	230.692.947.304	752.010.007.286
Kết quả kinh doanh của bộ phận	14.460.988.617	10.467.286.253	19.721.996.090	8.013.928.217	16.503.427.402	69.167.626.579
Chi phí không phân bổ						(39.581.166.370)
Kết quả từ các hoạt động kinh doanh						29.586.460.209
Thu nhập khác						1.944.966.913
Chi phí khác						(1.399.364.500)
Thuế thu nhập doanh nghiệp						(4.653.025.914)
Lợi nhuận thuần sau thuế						25.479.036.708



Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Hàn Quốc VND	Việt Nam VND	Nhật Bản VND	Thổ Nhĩ Kỳ VND	Các vùng địa lý khác VND	Hợp nhất VND
Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016						
Tổng doanh thu của bộ phận	165.955.358.523	128.873.768.463	105.180.757.334	78.555.266.943	219.689.545.561	698.254.696.824
Kết quả kinh doanh của bộ phận	14.667.977.870	8.181.635.394	18.371.193.161	5.839.094.916	21.419.627.863	68.479.529.204
<hr/>						
Chi phí không phân bổ						(26.303.760.959)
<hr/>						
Kết quả từ các hoạt động kinh doanh						42.175.768.245
<hr/>						
Thu nhập khác						4.312.102.502
Chi phí khác						(3.566.954.098)
Thuế thu nhập doanh nghiệp						(5.807.988.582)
<hr/>						
Lợi nhuận thuần sau thuế						37.112.928.067
<hr/>						



Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Hàn Quốc VND	Việt Nam VND	Nhật Bản VND	Thổ Nhĩ Kỳ VND	Các vùng địa lý khác VND	Hợp nhất VND
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017						
Tài sản của bộ phận	5.787.972.155	247.476.882	7.905.295.592	6.619.753.404	12.866.722.311	33.427.220.344
Tài sản không phân bổ						219.479.766.253
Tổng tài sản						<u>252.906.986.597</u>
Nợ phải trả của bộ phận	587.102.062	7.474.616.377	61.125.423	2.850.853.918	30.834.745.734	41.808.443.514
Nợ phải trả không phân bổ						117.846.516.807
Tổng nợ phải trả						<u>159.654.960.321</u>

Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Hàn Quốc VND	Việt Nam VND	Nhật Bản VND	Thổ Nhĩ Kỳ VND	Các vùng địa lý khác VND	Hợp nhất VND
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016						
Tài sản của bộ phận	10.726.802.006	3.008.895.105	4.356.594.080	1.502.790.544	11.304.150.565	30.899.232.300
Giá trị còn lại tài sản không phân bổ						230.736.191.289
Tổng tài sản						<u>261.635.423.589</u>
Nợ phải trả của bộ phận	629.000.828	4.572.692.638	61.125.423	329.043.615	49.082.785.238	54.674.647.742
Giá trị còn lại nợ phải trả không phân bổ						111.787.594.465
Tổng nợ phải trả						<u>166.462.242.207</u>

Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***5. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Tiền mặt	75.066.911	35.076.348
Tiền gửi ngân hàng	3.632.322.148	4.195.057.105
	<hr/>	<hr/>
	3.707.389.059	4.230.133.453
	<hr/>	<hr/>

6. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**(a) Phải thu ngắn hạn của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn**

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Toyoshima & Co., Ltd.	7.855.845.615	3.845.426.797
Dicle Tekstil Sanayi Ve Ticaret AS	3.278.766.950	-
Taihan Textile Co., Ltd.	3.262.585.726	881.063.651
Yu Jin Apparel Co., Ltd.	-	4.049.274.499
Tai Zeus International Corporation	-	2.907.222.573
Các khách hàng khác	17.703.128.772	18.669.681.593
	<hr/>	<hr/>
	32.100.327.063	30.352.669.113
	<hr/>	<hr/>

(b) Phải thu của khách hàng là bên liên quan

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài 2	-	6.897.000
	<hr/>	<hr/>

Khoản phải thu thương mại từ các bên liên quan không có đảm bảo, không tính lãi và có thời hạn hoàn trả là 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***7. Phải thu ngắn hạn khác**

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Phải thu người lao động	320.090.046	525.022.601
Ký cược, ký quỹ (*)	29.900.000.000	58.900.000.000
Phải thu lãi tiền gửi và cổ tức được chia	-	538.390.111
Phải thu về cho mượn hàng tồn kho	-	128.983.226
Phải thu khác	371.647.113	1.114.356.932
	<hr/>	<hr/>
	30.591.737.159	61.206.752.870

(*) Ký quỹ, ký cược bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng để đảm bảo cho việc mở thư tín dụng của Công ty và được hưởng lãi suất năm từ 4,2% - 4,8% (2016: từ 4,3% đến 6,5%). Chi tiết các khoản tiền gửi có kỳ hạn như sau:

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Tiền gửi có kỳ hạn tại:		
▪ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (“Vietcombank”)	10.700.000.000	21.500.000.000
▪ Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam (“Eximbank”)	-	5.500.000.000
▪ Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (“BIDV”)	5.500.000.000	10.500.000.000
▪ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (“Vietinbank”)	5.700.000.000	12.400.000.000
▪ Ngân hàng TMCP Quân đội (“MB Bank”)	5.000.000.000	7.000.000.000
▪ Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (“Techcombank”)	3.000.000.000	2.000.000.000
	<hr/>	<hr/>
	29.900.000.000	58.900.000.000

Trong các khoản ký quỹ, ký cược tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 có một số khoản tiền gửi có kỳ hạn trị giá 19,2 tỷ VND được dùng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty (1/1/2017: 15 tỷ VND) (Thuyết minh 16).

Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***8. Hàng tồn kho**

	31/12/2017		1/1/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi đường	27.963.144.500	-	45.727.451.300	-
Nguyên vật liệu	73.786.933.002	(359.818.573)	27.820.661.411	(1.282.811.374)
Công cụ và dụng cụ	504.000	-	1.620.000	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	13.583.024.427	(62.013.422)	16.526.536.880	(231.095.106)
Thành phẩm	8.891.642.896	(54.271.237)	21.023.431.872	(1.146.934.274)
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>
	124.225.248.825	(476.103.232)	111.099.701.463	(2.660.840.754)

Trong hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 có 14.383 triệu VND hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được (1/1/2017: 35.067 triệu VND).

Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***9. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	44.320.492.554	331.458.731.117	16.445.816.377	212.463.892	392.437.503.940
Tăng trong năm	-	9.498.076.822	6.153.400.000	-	15.651.476.822
Thanh lý	-	-	(77.272.727)	-	(77.272.727)
Số dư cuối năm	44.320.492.554	340.956.807.939	22.521.943.650	212.463.892	408.011.708.035
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	40.489.428.629	318.692.417.062	13.818.889.221	212.463.892	373.213.198.804
Khấu hao trong năm	169.480.238	4.670.330.699	2.288.305.849	-	7.128.116.786
Thanh lý	-	-	(77.272.727)	-	(77.272.727)
Số dư cuối năm	40.658.908.867	323.362.747.761	16.029.922.343	212.463.892	380.264.042.863
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	3.831.063.925	12.766.314.055	2.626.927.156	-	19.224.305.136
Số dư cuối năm	3.661.583.687	17.594.060.178	6.492.021.307	-	27.747.665.172

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 có các tài sản có nguyên giá 353.243 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2017: 332.165 triệu VND).

Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***10. Đầu tư tài chính dài hạn**

	Địa chỉ	Số lượng cổ phiếu	31/12/2017			1/1/2017			
			% sở hữu và quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Số lượng cổ phiếu	% sở hữu và quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết									
▪ Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài 2	Thừa Thiên Huế	2.400.000	48%	24.000.000.000	-	2.400.000	48%	24.000.000.000	-
Các khoản đầu tư dài hạn khác									
▪ Công ty Cổ phần Sợi Đông Phú	Hưng Yên	107.500	3,84%	1.075.000.000	-	107.500	3,84%	1.000.000.000	-
				25.075.000.000	-				
				25.075.000.000	-				

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các các khoản đầu tư tài chính dài hạn để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***11. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**

	31/12/2017	1/1/2017
	VND	VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận đối với:		
▪ Chi phí phải trả và các khoản khác	3.122.117.046	4.140.092.894

12. Phải trả người bán ngắn hạn

Phải trả người bán ngắn hạn chi tiết theo nhà cung cấp lớn:

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	31/12/2017	1/1/2017
	VND	VND
RCMA Group Pte. Ltd.	11.779.901.052	-
Devcot S.A	5.917.415.918	12.425.458.686
Taiwan Spinning Co, Ltd.	4.143.453.750	6.010.862.500
HengFeng (HongKong) Co., Ltd.	3.149.165.160	-
Fujian Jinlun Fiber Shareholding Company Limited	2.671.362.500	-
Paul Reinhart Inc.	92.980.027	8.033.475.000
P&K Enterprise Co., Ltd.	-	1.956.293.341
BTG Pactual	8.688.861	7.825.681.115
Tong Teik Pte. Ltd.	-	7.885.340.000
Các nhà cung cấp khác	8.383.285.040	9.717.220.836
	36.146.252.308	53.854.331.478

Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***13. Thuế và các khoản phải thu và phải nộp Nhà nước**

	1/1/2017 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp/bù trừ trong năm VND	31/12/2017 VND
Thuế giá trị gia tăng	105.160.555	16.307.322.335	(16.237.486.679)	174.996.211
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(477.926.350)	3.635.050.066	(5.000.000.000)	(1.842.876.284)
Thuế thu nhập cá nhân	335.491.442	814.321.506	(1.059.996.543)	89.816.405
Thuế nhập khẩu	-	1.129.525.060	(1.129.525.060)	-
Thuế khác	-	5.000.000	(5.000.000)	-
	(37.274.353)	21.891.218.967	(23.432.008.282)	(1.578.063.668)
<i>Trong đó:</i>				
Thuế phải thu	(477.926.350)			(1.842.876.284)
Thuế phải nộp	440.651.997			264.812.616
	(37.274.353)			(1.578.063.668)

14. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Lãi vay phải trả	36.321.296	63.810.165
Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định	7.025.427.734	15.732.755.545
Chi phí khác	1.760.418.463	1.642.949.083
	8.822.167.493	17.439.514.793

15. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Cổ tức phải trả	-	1.075.000.000
Tiền thưởng phải trả cho nhân viên	12.051.690.455	13.999.126.486
Các khoản phải trả khác	1.640.397.011	1.862.399.316
	13.692.087.466	16.936.525.802

Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

16. Vay ngắn hạn

	1/1/2017 Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Biến động trong năm	Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện VND	31/12/2017 Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	52.937.280.641	622.761.491.926	(593.602.587.887)		133.345.903	82.229.530.583
Vay dài hạn đến hạn trả	6.659.352.366	-	(6.659.352.366)		-	-
	59.596.633.007	622.761.491.926	(600.261.940.253)		133.345.903	82.229.530.583

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Các khoản vay từ Vietinbank	USD	1,3% - 1,5%	33.454.753.250	13.616.652.950
Các khoản vay từ MB Bank	USD	1,3% - 5,5%	4.506.849.990	12.178.407.320
Các khoản vay từ BIDV	USD	1,5% - 5%	36.765.377.343	16.982.777.268
Khoản vay từ Eximbank	USD	1,5% - 4,5%	-	10.159.443.103
Các khoản vay từ Techcombank	USD	2,5%	7.502.550.000	-
			82.229.530.583	52.937.280.641

Các khoản vay từ Vietinbank, MB Bank, BIDV và Techcombank được bảo đảm bằng khoản tiền gửi có kỳ hạn có giá trị ghi sổ tương ứng là 5,7 tỷ VND; 5 tỷ VND; 5,5 tỷ VND và 3 tỷ VND (1/1/2017: 5 tỷ VND; 5 tỷ VND; 5 tỷ VND; Không).

Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***17. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng, phúc lợi cho các nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng, phúc lợi của Công ty. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	2017 VND	2016 VND
Số dư đầu năm	7.317.043.410	7.072.613.602
Trích lập trong năm	975.191.814	1.808.769.808
Sử dụng trong năm	(1.073.165.455)	(1.564.340.000)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	7.219.069.769	7.317.043.410

Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

18. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1/1/2016	50.000.000.000	289.000.000	9.172.016.627	13.322.080.135	43.040.115.808	115.823.212.570
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	37.112.928.067	37.112.928.067
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(1.808.769.808)	(1.808.769.808)
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	500.000.000	(500.000.000)	-
Phân loại lại các quỹ	-	-	(9.172.016.627)	(1.124.383.373)	10.296.400.000	-
Trả cổ tức bằng khoản đầu tư tài chính dài hạn	-	-	-	-	(16.297.843.447)	(16.297.843.447)
Trả cổ tức bằng tiền (Thuyết minh 20)	-	-	-	-	(39.656.346.000)	(39.656.346.000)
Số dư tại ngày 1/1/2017	50.000.000.000	289.000.000	-	12.697.696.762	32.186.484.620	95.173.181.382
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	25.479.036.708	25.479.036.708
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(975.191.814)	(975.191.814)
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	3.711.292.806	(3.711.292.806)	-
Trả cổ tức bằng tiền (Thuyết minh 20)	-	-	-	-	(27.500.000.000)	(27.500.000.000)
Điều chỉnh khác (Thuyết minh 20)	-	-	-	1.075.000.000	-	1.075.000.000
Số dư tại ngày 31/12/2017	50.000.000.000	289.000.000	-	17.483.989.568	25.479.036.708	93.252.026.276

Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

19. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2017		1/1/2017	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	5.000.000	50.000.000.000	5.000.000	50.000.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	5.000.000	50.000.000.000	5.000.000	50.000.000.000
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	5.000.000	50.000.000.000	5.000.000	50.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

20. Cổ tức

Tại cuộc họp ngày 26 tháng 4 năm 2017, Đại hội đồng Cổ đông của Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức bằng tiền trị giá 27.500 triệu VND (2016: 39.656 triệu VND).

Ngoài ra, Đại hội đồng Cổ đông của Công ty quyết định chuyển số cổ tức phải trả năm 2015 là 1.075 triệu VND vào nguồn Quỹ đầu tư phát triển, thay cho việc chia cổ tức cho các cổ đông bằng khoản đầu tư tài chính dài hạn theo quyết định tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông của Công ty ngày 9 tháng 6 năm 2016.

21. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông. Các quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***22. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán****(a) Tài sản thuê ngoài**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Trong vòng một năm	8.669.915.629	8.554.052.582
Trong vòng hai đến năm năm	16.479.662.516	24.466.210.328
Sau năm năm	24.937.581.365	22.370.226.599
	<hr/>	<hr/>
	50.087.159.510	55.390.489.509
	<hr/>	<hr/>

(b) Ngoại tệ các loại

	31/12/2017		1/1/2017	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	123.719	2.804.073.477	124.090	2.819.331.616
EUR	216	5.842.487	-	-
		<hr/>		<hr/>
		2.809.915.964		2.819.331.616
		<hr/>		<hr/>

23. Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ

	2017 VND	2016 VND
Sản xuất thành phẩm	653.490.610.971	594.143.535.445
Dịch vụ thương mại	22.814.375.767	19.438.781.202
Dịch vụ gia công	12.518.374	142.931.164
Các hoạt động khác	6.524.875.595	16.049.919.809
	<hr/>	<hr/>
	682.842.380.707	629.775.167.620
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***24. Doanh thu hoạt động tài chính**

	2017 VND	2016 VND
Lãi tiền gửi	2.516.280.959	3.647.778.371
Cổ tức được chia	2.880.000.000	8.570.968.227
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2.272.493.357	3.105.400.681
Lãi do đánh giá lại giá trị khoản đầu tư tài chính dài hạn dùng để chia cổ tức	-	7.141.923.447
	7.668.774.316	22.466.070.726

25. Chi phí tài chính

	2017 VND	2016 VND
Chi phí lãi vay	1.721.762.532	1.898.597.650
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	861.474.702	1.537.094.251
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	156.754.508	341.811.023
	2.739.991.742	3.777.502.924

26. Chi phí bán hàng

	2017 VND	2016 VND
Chi phí bao bì đóng gói	6.449.938.666	6.343.903.716
Chi phí dịch vụ thuê ngoài	21.498.654.998	21.099.977.303
Chi phí bán hàng khác	2.815.538	53.947.130
	27.951.409.202	27.497.828.149

Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***27. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	2017 VND	2016 VND
Chi phí nhân viên	6.069.180.827	7.549.286.152
Chi phí khấu hao	2.048.829.663	981.023.080
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.613.179.232	2.536.002.074
Chi phí quản lý khác	5.827.350.020	6.428.189.306
	<hr/> 16.558.539.742	<hr/> 17.494.500.612

28. Thu nhập khác

	2017 VND	2016 VND
Lãi do thanh lý tài sản cố định	-	150.000.000
Doanh thu từ tiền ăn ca	1.830.828.000	3.953.985.850
Doanh thu khác	114.138.913	208.116.652
	<hr/> 1.944.966.913	<hr/> 4.312.102.502

29. Chi phí khác

	2017 VND	2016 VND
Chi phí ăn ca	1.395.364.500	2.962.769.760
Các khoản bị phạt	-	538.840.856
Các khoản khác	4.000.000	65.343.482
	<hr/> 1.399.364.500	<hr/> 3.566.954.098

Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***30. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố**

	2017 VND	2016 VND
Chi phí nguyên vật liệu bao gồm trong chi phí sản xuất	500.993.455.733	416.147.709.784
Chi phí nhân viên	84.517.253.938	91.527.368.913
Chi phí khấu hao	7.141.189.248	7.973.716.304
Chi phí dịch vụ mua ngoài	108.191.296.593	91.090.782.177
Chi phí khác	13.618.570.232	18.073.682.055

31. Thuế thu nhập**(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

	2017 VND	2016 VND
Chi phí thuế hiện hành		
Năm hiện hành	3.635.050.066	6.630.460.843
Dự phòng thiếu trong những năm trước	-	43.969.124
	<hr/> 3.635.050.066	<hr/> 6.674.429.967
Chi phí/(lợi ích) thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	1.017.975.848	(866.441.385)
	<hr/> 4.653.025.914	<hr/> 5.807.988.582

Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***(b) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	2017 VND	2016 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	30.132.062.622	42.920.916.649
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	6.026.412.524	8.584.183.330
Chi phí không được khấu trừ thuế	191.309.636	212.342.780
Thu nhập không bị tính thuế	(576.000.000)	(1.714.193.645)
Ảnh hưởng của chênh lệch tạm thời chưa được ghi nhận	(988.696.246)	(1.318.313.007)
Dự phòng thiếu trong những năm trước	-	43.969.124
	4.653.025.914	5.807.988.582

(c) Thuế suất áp dụng

Theo các quy định của luật thuế thu nhập hiện hành, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập là 20% trên lợi nhuận tính thuế từ năm 2016.

32. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền tại thời điểm lập báo cáo, chi tiết như sau:

	2017	2016
Lợi nhuận thuần trong năm (VND)	25.479.036.708	37.112.928.067
Số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND) (*)	-	-
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông (VND)	25.479.036.708	37.112.928.067
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 (cổ phiếu)	5.000.000	5.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	5.096	7.423

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty chưa ước tính được một cách đáng tin cậy số lợi nhuận cho năm kết thúc cùng ngày có thể được phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi do chưa có Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông cho năm 2017. Nếu Công ty trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm kết thúc cùng ngày, lợi nhuận thuần thuộc về các cổ đông phổ thông sẽ giảm đi.

Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***33. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài các số dư với các bên liên quan đã được trình bày tại các thuyết minh khác của các báo cáo tài chính này, Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	2017 VND	2016 VND
Các cổ đông chính		
<i>Tập đoàn Dệt May Việt Nam</i>		
Trả cổ tức bằng khoản đầu tư tài chính dài hạn	-	5.339.500.000
Cổ tức đã công bố và trả bằng tiền	14.807.485.000	21.353.113.000
<i>Công ty Cổ phần Dệt May Huế</i>		
Mua hàng hóa và dịch vụ	1.094.116.606	118.300.000
Bán hàng hóa	11.216.258	-
Cổ tức đã công bố và trả bằng tiền	1.218.970.500	1.757.815.000
Trả cổ tức bằng khoản đầu tư tài chính dài hạn	-	439.560.000
Các bên liên quan		
<i>Công ty Cổ phần Bông Việt Nam</i>		
Công bố cổ tức	4.875.887.500	7.031.267.000
Trả cổ tức bằng khoản đầu tư tài chính dài hạn	-	1.758.230.000
Trả cổ tức bằng tiền	4.875.887.500	7.031.267.000
<i>Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ</i>		
Mua hàng hóa và dịch vụ	-	1.580.947.002
Bán hàng hóa	-	2.254.543.800
<i>Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên Dệt 8-3</i>		
Mua hàng hóa và dịch vụ	7.800.000.000	7.800.000.000
Bán hàng hóa	-	81.169.723
Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc		
Tiền lương và thưởng	1,622,806,727	2.068.002.730

Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

34. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư và tài chính

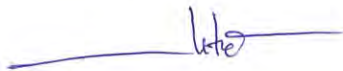
	2017	2016
	VND	VND
Chia cổ tức bằng đầu tư tài chính dài hạn	-	16.297.843.447

35. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2017 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Ngày 23 tháng 3 năm 2018

Người lập:



Hoàng Thái Trúc
Trưởng phòng Kế toán

Người duyệt:



Trần Thị Kim Chi
Tổng Giám đốc